

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, năm 2022
(Từ tháng 01/2022 ước đạt đến 31/12/2022)

Thực hiện Công văn số 1943/UBND-TH ngày 10/11/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện; có 02 huyện nghèo (*huyện M'Đrăk và huyện Ea Súp*) và 04 xã biên giới; có 184 xã, phường, thị trấn (152 xã, 20 phường, 12 thị trấn), 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố (*trong đó: 1.361 thôn, 556 buôn và 282 tổ dân phố*); có 71 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, trong đó, 49 xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (*Khu vực I: 47 xã, Khu vực II: 02 xã*). Dân số khoảng 1,9 triệu người, với 49 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số hơn 667 nghìn người, chiếm 35,7% dân số toàn tỉnh, phân bố rải rác ở đều khắp 184/184 xã, phường, thị trấn của tỉnh. Ngoài các dân tộc thiểu số đã cư trú lâu đời như Ê đê, Mnông, Gia Rai, còn có rất đông đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh khác di cư tới lập nghiệp và không ngừng gia tăng về số lượng qua các năm như Nùng, Tày, Mông¹...

Giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh có 130 xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó có 54 xã khu vực III, 5 xã khu vực II, 71 xã khu vực I; 519 thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025: Toàn tỉnh có 63.642 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 12,79%, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số có 41.515 hộ, chiếm tỷ lệ 65,23% tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh.

Hiện nay, toàn tỉnh có 495 thôn, buôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập, 01 thôn giải thể, 01 thôn thành lập mới, trong đó có 131 thôn đặc biệt khó khăn thực

¹ Nùng: 75.857 người; Tày: 53.124 người; Mông: 39.241 người...

hiện sáp nhập (*xã khu vực I: 12 thôn, xã Khu vực II: 3 thôn, xã Khu vực III: 116 thôn*). Thực hiện Điều 2 Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ đối với 238 thôn, buôn, tổ dân phố được thành lập sau khi sáp nhập, giải thể, thành lập mới, đã gửi Ủy ban Dân tộc thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung. Theo kết quả thẩm định của tỉnh tại Báo cáo số 114/BC-UBND ngày 18/5/2022 về kết quả rà soát, xác định thôn buôn đặc biệt khó khăn đối với các thôn buôn đã chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên trên địa bàn tỉnh, toàn tỉnh có 83/238 thôn, buôn sau khi sáp nhập, giải thể, thành lập mới đạt tiêu chí đặc biệt khó khăn (*xã khu vực I: 11 thôn, xã khu vực II: 03 thôn, xã khu vực III: 66 thôn*).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022

1. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

1.1. Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (*sau đây gọi là Chương trình MTQG 1719*).

1.2. Ban hành cơ chế lồng ghép và huy động nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu xây dựng Dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế lồng ghép và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua vào Quý IV năm 2022.

1.3. Ban hành cơ chế phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu xây dựng Quyết định ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đang hoàn chỉnh lại Dự thảo Quyết định để gửi Sở Tư pháp

thẩm định theo quy định.

1.4. Ban hành cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp

a) Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù; ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc quy định áp dụng các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.

- Về danh mục loại dự án: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc ban hành danh mục dự án thuộc lĩnh vực đường giao thông nông thôn được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 về việc ban hành danh mục dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 30/09/2022 ban hành danh mục các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù để quản lý đầu tư xây dựng trong các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025.

- Về thiết kế mẫu:

+ Đối với dự án kênh mương và trạm bơm: Áp dụng các thiết kế mẫu sẵn có tại Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán mẫu, thiết kế điển hình các công trình kênh mương theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với dự án thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng: Cơ quan chuyên môn đang thực hiện rà soát để tham mưu điều chỉnh, bổ sung các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hiện có cho phù hợp với thực tế hiện nay.

+ Đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông: Thực hiện theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và dự toán Công trình: Đường trục thôn, buôn; đường liên thôn, buôn; Đường ngõ, xóm; Đường trục chính nội đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.

b) Ban hành quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án.

UBND tỉnh giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, tham mưu xây dựng Quyết định quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa

bàn tỉnh, dự kiến ban hành trong Quý IV/2022.

c) Ban hành quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ.

UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, xây dựng Quyết định quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, dự kiến ban hành trong quý IV năm 2022.

d) Ban hành quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình.

Sở Xây dựng - đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo đang xây dựng Dự thảo. Tuy nhiên, đến nay địa phương vẫn chưa nhận được hướng dẫn nêu trên của Bộ Xây dựng theo Điều 38 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP nên chưa thể hoàn thiện Dự thảo để gửi lấy ý kiến các Sở, ngành, các đơn vị liên quan và tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành.

1.5. Ban hành Nghị quyết quy định về nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương thức sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, xây dựng Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Dự kiến tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Năm, HĐND tỉnh khóa X (tháng 12/2022).

1.6. Ban hành quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng

UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, xây dựng dự thảo Quyết định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia (giai đoạn 2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, dự kiến ban hành trong quý IV năm 2022.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

2.1. Công tác kiện toàn bộ máy tham mưu giúp việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp

- *Đối với cấp tỉnh:* UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 08/6/2022; ban hành Chương trình công tác năm 2022 tại Quyết định số 71/QĐ-BCĐ ngày 08/6/2022 để triển khai thực hiện.

- *Đối với cấp huyện:* Hiện nay đã có 15/15 huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện; các huyện đang tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, kiện toàn Ban quản lý xã thực hiện các CTMTQG.

2.2. Cơ chế phối hợp, phân cấp quản lý, trao quyền và huy động, phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình

- Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình: Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; tỉnh Đắk Lắk được giao kinh phí thực hiện Chương trình MTQG 1719 giai đoạn 2021 - 2025 là 3.629.413 triệu đồng, kinh phí năm 2022 là 550.814 triệu đồng. UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình đảm bảo đúng quy định.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thông tin, truyền thông, vận động sự tham gia của cộng đồng để thực hiện Chương trình: Công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình được thực hiện thông qua các phương tiện truyền thông, báo đài, trang thông tin điện tử của các Sở, ban ngành, địa phương, các hội nghị tập huấn của cơ quan Chủ chương trình, chủ dự án thành phần.

3. Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình

3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Dự án 1 là 9.555 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp); đã thực hiện và giải ngân 162 triệu đồng, đạt 1,7% kế hoạch vốn.

3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Dự án 2 là (vốn ĐTPT là 36.860 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 7.158 triệu đồng).

3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 24.857 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 31.483 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

- Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 357.231 triệu đồng (vốn ĐTPT là 343.985; vốn sự nghiệp là 13.246 triệu đồng); vốn sự nghiệp đã giải ngân 352 triệu đồng, đạt 2.65% kế hoạch vốn.

3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 31.996 triệu đồng (vốn ĐTPT là 25.700 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 6.296 triệu đồng); đã giải ngân 720 triệu đồng, đạt 11,4% kế hoạch vốn.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 3.200 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 38.460 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

d) Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 2.100 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Dự án 6 là 2.521 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp); đã thực hiện và giải ngân 140 triệu đồng, đạt 5,5% kế hoạch vốn.

3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Dự án 7 là 43.491 triệu đồng (vốn ĐTPT là 39.800 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 3.691 triệu đồng); đã thực hiện và giải ngân 110 triệu đồng, đạt 3% kế hoạch vốn.

3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Dự án 8 là 7.677 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp); đã thực hiện và giải ngân 38,5 triệu đồng, đạt 0,5% kế hoạch vốn.

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 9 là 29.391 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 9 là 1.794 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp); đã thực hiện và giải ngân 172,5 triệu đồng, đạt 9,6% kế hoạch vốn.

3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG.

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 10 là 4.257 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp); đã thực hiện và giải ngân 933 triệu đồng, đạt 22% kế hoạch vốn.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.

Trong năm 2022: Không được phân bổ nguồn vốn.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

Nguồn vốn phân bổ năm 2022 thực hiện Tiểu dự án 3 Dự án 10 là 963 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp); đã thực hiện và giải ngân 234 triệu đồng, đạt 24,3% kế hoạch vốn.

4. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong kỳ báo cáo:

+ Nguồn ngân sách Trung ương: 629.814 triệu đồng (vốn ĐTPT là 381.165 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 169.649 triệu đồng);

+ Nguồn ngân sách địa phương: (vốn ĐTPT là 62.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 17.000 triệu đồng).

+ Nguồn vốn tín dụng: 254.400 triệu đồng.

- Tình hình giải ngân, kết quả thực hiện các nguồn vốn so với kế hoạch: Vốn ĐTPT chưa giải ngân; vốn sự nghiệp giải ngân 2.862 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù: Triển khai thủ tục đầu tư theo cơ chế đặc thù sẽ giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí. Tuy nhiên, đến nay tỉnh mới ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù; các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chưa được ban hành đầy đủ; quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng,... nên chưa đủ cơ sở pháp lý để áp dụng triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù.

- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có): Không.

(Kèm theo tổng hợp số liệu tại Phụ lục III-02 gửi kèm)

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

Lãnh đạo tỉnh luôn xác định vùng dân tộc thiểu số và miền núi có vị trí quan trọng, mang tầm chiến lược về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và bảo vệ môi trường sinh thái. Từ đó cho thấy, Chương trình MTQG 1719 có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của khu vực đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi. Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020; UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp tốt, quyết tâm hoàn thành các nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, chuẩn bị sẵn sàng để triển khai thực hiện Chương trình. Một số nhiệm vụ nổi bật đã hoàn thành như: Hoàn thiện các văn bản quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của tỉnh; Xây dựng Kế hoạch thực hiện và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm và năm 2022 theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; đặc biệt chú trọng nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, giải pháp để thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững, dân chủ, công khai, minh bạch, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất và giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất cho các hộ nghèo, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; Bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách tỉnh cho Chương trình giai đoạn 2021 - 2025; Kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Thường xuyên tuyên truyền, truyền thông nhằm nâng cao ý thức tự lực, tự cường của người dân và vận động sự tham gia của cộng đồng để thực hiện Chương trình.

5.2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, tỉnh Đắk Lắk gặp phải một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

a) Đối với Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Ngày 30/6/2022, Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2022/TT-UBND về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG 1719. Theo quy định tại Điều 24 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, tại Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBND, Ủy ban Dân tộc chưa quy định cụ thể định mức hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương đối với các chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, công trình nước sinh hoạt tập trung để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện Chương trình (*các nội dung này đã được quy định cụ thể trong các dự thảo Thông tư gửi lấy ý kiến các địa phương*).

Tại Tờ trình số 1377/TTr-UBND ngày 24/8/2022 của Ủy ban Dân tộc, thẩm quyền ban hành các định mức hỗ trợ nêu trên không thuộc thẩm quyền của Ủy ban Dân tộc, do đó đề nghị Ủy ban Dân tộc có giải pháp sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về một số định mức thực hiện Chương trình.

b) Đối với dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Tại điểm b khoản 2 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng thụ hưởng là “Xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN”, như vậy nếu quy mô dự án đầu tư cho xã thì phải là xã ĐBKK, còn nếu quy mô dự án đầu tư cho thôn thì phải là thôn ĐBKK. Tuy nhiên có ý kiến cho rằng “nếu quy mô dự án đầu tư cho thôn của xã ĐBKK thì không nhất thiết phải là thôn ĐBKK”, như vậy có đảm bảo quy định về Phạm vi của Chương trình “... ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn ĐBKK (xã ĐBKK, thôn ĐBKK), xã an toàn khu thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ không? Đề nghị Ủy ban Dân tộc giải thích rõ và cho ý kiến bằng văn bản hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện.

- Sau khi rà soát đối tượng, địa bàn thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc tại Công văn số 1500/UBND-CSĐT ngày 12/9/2022; tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện 15 dự án, trong đó có 02 dự án hỗn hợp (tái định cư tập trung, ổn định tại chỗ); 01 dự án tái định cư tập trung; 12 dự án ổn định tại chỗ. Tại điểm c khoản 3 Điều 15 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình là “Thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ, đảm bảo cho người dân ổn định đời sống, sản xuất lâu dài”, như vậy đối với các dự án bố trí ổn định dân cư theo hình thức ổn định tại chỗ thì các hộ gia đình sinh sống trong vùng dự án có được hưởng các chính sách hiện hành như đã nêu tại điểm c khoản 3 Điều 15 Thông tư số 02/2022/TT-UBND không? Theo đó, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn cụ thể đối với nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình của các dự án bố trí ổn định dân cư theo hình thức ổn định tại chỗ, vì vậy kinh phí sự nghiệp năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2025 phân bổ cho tỉnh Đắk Lắk sẽ rất khó giải ngân.

- Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-UBND quy định: UBND cấp tỉnh tổ chức rà soát, xác định và phê duyệt đối tượng; lựa chọn hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ) bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Như vậy, việc quyết định đầu tư Dự án có phải thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh hay không?

- Tại điểm b khoản 2 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng thụ hưởng là “Xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN”, như vậy nếu quy mô dự án đầu tư cho xã thì phải là xã ĐBKK, còn nếu quy mô dự án đầu tư cho thôn thì phải là thôn ĐBKK. Tuy nhiên có ý kiến cho rằng “nếu quy mô dự án đầu tư cho thôn của xã ĐBKK thì không nhất thiết phải là thôn ĐBKK”. Tỉnh Đắk Lắk đã đề nghị UBND hướng dẫn tại Báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi (Công văn số 832/BDT-CSĐT ngày 25/10/2022 của Ban Dân tộc), tuy nhiên đến nay Ủy ban Dân tộc chưa có văn bản trả lời đối với nội dung nêu trên. Để làm rõ nội dung này, đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn bằng văn bản để địa phương căn cứ triển khai thực hiện Dự án 2 nói riêng và các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần khác của Chương trình.

- Tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Ủy ban Dân tộc tổng hợp trình Hội đồng thẩm định nhà nước, thì các dự án ổn định dân cư thực hiện trên địa bàn 01 xã, với tổng mức đầu tư xác định trên địa bàn toàn xã. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, rà soát, có 10/14 dự án đã thay đổi địa bàn thực hiện so với BCNCKT (05 dự án từ đầu tư trên 01 xã thành đầu tư trên 01 buôn, 01 dự án từ đầu tư trên 01 xã thành đầu tư trên 02 buôn, 02 dự án từ đầu tư trên 01 xã thành đầu tư trên 03 buôn, 02 dự án từ đầu tư trên 01 xã thành đầu tư trên 04 buôn), như vậy việc giữ nguyên tổng mức đầu tư trên địa bàn 01 xã có còn phù hợp không? Đề nghị các Bộ, ngành cho ý kiến về việc xác định tổng mức đầu tư của các dự án để đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả nguồn vốn của Chương trình.

- Đối với dự án ổn định dân cư theo hình thức ổn định tại chỗ: Việc đồng bào DTTS còn thiếu đất ở, đất sản xuất (xã Bông Krang, huyện Lắk - DA được tổng hợp trong BCNCKT có 432 hộ thiếu đất ở, 748 hộ thiếu đất sản xuất) và địa phương không có quỹ đất để hỗ trợ cho người dân thì việc lập, triển khai thực hiện Dự án ổn định dân cư có đảm bảo nguyên tắc thực hiện và mục tiêu của Chương trình không? Theo đó, việc tổng hợp Dự án xã Bông Krang, huyện Lắk vào BCNCKT có phù hợp không?

- Trên địa bàn 01 xã ĐBKK, cùng một lúc được đầu tư 02 dự án: 01 dự án tái định cư tập trung, 01 dự án ổn định dân cư tại chỗ, trong khi tỉnh có 54 xã ĐBKK đều có nhu cầu được đầu tư, hỗ trợ, như vậy có “đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng” của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ không?

- Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán NSTW giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh là 2.038.251 triệu đồng, không chi tiết đến dự án, không chi tiết đến danh mục dự án, như vậy việc triển khai thực hiện là do tỉnh tổ chức rà soát, khảo sát theo quy định, hướng dẫn của TW, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hay phải thực hiện theo chỉ đạo (không bằng văn bản chính thống) của các Bộ, ngành TW mặc dù sai đối tượng, địa bàn và không đảm bảo mục tiêu của Chương trình?

c) Đối với Nội dung số 02 Tiểu dự án 2 Dự án 3: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu

Triển khai Công văn số 1170/UBND-HTQT ngày 14/9/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc đề xuất triển khai dự án hạng mục “Đầu tư vùng trồng dược liệu quý” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; ngày 30/10/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có Công văn số 9809/UBND-TH về việc đề xuất danh mục dự án “Phát triển vùng trồng dược liệu quý và dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”, theo đó, tỉnh Đắk Lắk đề xuất đầu tư 03 dự án, gồm 02 dự án “Phát triển vùng trồng dược liệu quý” tại 02 huyện Lắk và M'Drắk và 01 dự án “Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao” tại huyện M'Drắk.

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg, Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; HĐND tỉnh đã ban hành các văn bản: Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24/8/2022; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24/8/2022; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/8/2022. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2022. Theo đó, tỉnh Đắk Lắk thực hiện đầu tư 03 dự án Phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn 02 huyện Lắk và M'Drắk, theo đúng nhu cầu đề xuất của tỉnh tại Công văn số 9809/UBND-TH ngày 30/10/2020.

Tuy nhiên, theo ý kiến của Đoàn công tác Bộ Y tế làm việc tại tỉnh ngày 07/11/2022 thì tỉnh Đắk Lắk chỉ có 01 dự án của huyện Lắk được đầu tư thí điểm trồng dược liệu quý. Trong khi đó, huyện M'Drắk là huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, là đối tượng ưu tiên đầu tư của dự án. Hiện nay, theo thông tin từ Bộ Y tế và Ủy ban Dân tộc thì không có văn bản nào quy định tỉnh Đắk Lắk chỉ đầu tư 01 dự án Phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Lắk (kể cả trong BCNCKT Chương trình). Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Y tế có văn bản cho ý kiến về nội dung này để tỉnh Đắk Lắk nghiên cứu, triển khai thực hiện.

d) Đối với Nội dung số 03 Tiểu dự án 2 Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, vốn đầu tư được giao cho các địa phương để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng vùng trồng dược liệu quý (Nội dung số 02 do Bộ Y tế là chủ quản dự án, ở địa phương là Sở Y tế) và đầu tư cơ sở hạ tầng cho “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN” tại các trường đại học (Nội dung số 03 do Ủy ban Dân tộc là chủ quản dự án, ở địa phương là Ban Dân tộc).

Theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, vốn đầu tư giao cho Ủy ban Dân tộc (ở địa phương là Ban Dân tộc), không giao cho Bộ Y tế, do đó nội dung thực hiện của vốn đầu tư giao cho Bộ, ngành là đầu tư cơ sở hạ tầng cho “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN” tại các trường đại học.

Tuy nhiên, theo Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc (*ban hành sau Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*), nội dung đầu tư cho “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN” tại các trường đại học do Ủy ban Dân tộc thực hiện, không có hướng dẫn nội dung do địa phương thực hiện. Do đó, vốn đầu tư giao cho Ban Dân tộc thực hiện sẽ không giải ngân được. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có văn bản cho ý kiến về nội dung này để các địa phương nghiên cứu, điều chỉnh phương án phân bổ vốn.

đ) Đối với Tiểu dự án 1 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tại Phụ lục IV Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định Tiêu chí phân bổ vốn Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 4 cho các huyện áp dụng phương pháp tính điểm theo Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK, do đó các huyện không có xã ĐBKK, thôn ĐBKK nhưng có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sẽ không có vốn để đầu tư, trong khi đó phạm vi đầu tư của Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 4 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ là “*xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

e) Đối với Tiểu dự án 3 Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Tại điểm c khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng

thực hiện Tiểu dự án 3 là: “Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp **vùng dân tộc thiểu số và miền núi**”.

Tại khoản 12 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình quy định: “Hỗ trợ, sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình, nhà xưởng, phòng học, kí túc xá và các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm các trang thiết bị phục vụ đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn **vùng dân tộc thiểu số và miền núi**”.

Tại khoản 1 Điều 32 Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 quy định: “Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình, nhà xưởng, phòng học, kí túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo cho **các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**”.

Như vậy, phạm vi thực hiện nội dung Tiểu dự án 3 Dự án 5 được xác định như thế nào là chính xác nhất để đảm bảo thực hiện đúng nội dung, tránh bỏ sót đối tượng được thụ hưởng chính sách.

- Nguồn kinh phí thực hiện Tiểu dự án 3 Dự án 5 được phân bổ vào những tháng cuối năm, trong khi đó, thời gian đào tạo đối với nghề phi nông nghiệp cho lao động phải thực hiện từ 03 - 04 tháng; bên cạnh đó, hiện nay đã chuẩn bị đến mùa thu hoạch cà phê và một số sản phẩm nông nghiệp khác, từ nay đến cuối năm không phải là khoảng thời gian nhàn rỗi của nông dân nên người lao động khó sắp xếp được thời gian tham gia các lớp đào tạo nghề; do đó, công tác tuyển sinh để tổ chức mở các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.

g) Đối với Tiểu dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025; tỉnh Đắk Lắk không có dân tộc có khó khăn đặc thù sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Do đó, tỉnh không có nội dung thực hiện đối với đối tượng “dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù” theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

- Theo điểm a khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn là: *Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt.* Tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc và Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn chi tiết về nội dung nêu trên. Bên cạnh đó, theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam không có chính sách cho vay đối với nội dung này. Qua đó cho thấy, đối tượng “dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn” không được hưởng chính sách nào đối với nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án 1 Dự án 9.

Từ những lý do trên, kinh phí sự nghiệp năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2025 phân bổ cho tỉnh Đắk Lắk sẽ không giải ngân được.

h) Đối với Tiểu dự 2 Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Công văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, nội dung thực hiện đối với vốn đầu tư là Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719 do Ủy ban Dân tộc chủ trì, thực hiện (ở địa phương là Ban Dân tộc) và Xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, thực hiện (ở địa phương là Liên minh Hợp tác xã tỉnh). Tuy nhiên, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể về nội dung thực hiện vốn đầu tư do địa phương thực hiện.

i) Toàn tỉnh Đắk Lắk có 495 thôn, buôn, tổ dân phố thực hiện chia tách, sáp nhập, 01 thôn giải thể, 01 thôn thành lập mới, trong đó có 130 thôn đặc biệt khó khăn thực hiện sáp nhập (*xã khu vực I: 12 thôn, xã Khu vực II: 3 thôn, xã Khu vực III: 115 thôn*). Sau chia tách, sáp nhập, giải thể, thành lập mới, có 238 thôn, buôn, tổ dân phố được thành lập. Thực hiện Điều 2 Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh đã tiến hành rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung tại Báo cáo số 114/BC-UBND ngày 18/5/2022 về kết quả rà soát, xác định thôn buôn đặc biệt khó khăn đối với các thôn buôn đã chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên trên địa bàn tỉnh. Trong đó có 83/238

thôn, buôn đạt tiêu chí đặc biệt khó khăn (*xã khu vực I: 11 thôn, xã khu vực II: 03 thôn, xã khu vực III: 66 thôn*). Tuy nhiên, đến nay Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Quyết định phê duyệt đối với các thôn, buôn ĐBKK nêu trên.

k) Tại số thứ tự 1.3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk được giao mục tiêu, nhiệm vụ: Số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 42 thôn ĐBKK; **Tỷ lệ xã** là 50%.

Vậy Tỷ lệ xã được xác định như thế nào? Dựa trên tiêu chí nào? Nếu do lỗi văn bản, chữ “xã” viết đúng là “thôn” thì Tỷ lệ thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 50%, tương đương với tỷ lệ: Số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn/Tổng số thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh = $42/84 = 50\%$.

Theo đó, số liệu tổng số thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 84 thôn đặc biệt khó khăn, được lấy theo số liệu tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc. Tuy nhiên, ngày 16/9/2021, Ủy ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 433/QĐ-UBND. Do đó, hiện nay số liệu Tổng số thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 519 thôn ĐBKK. Như vậy, Tỷ lệ thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND là $42/519 = 8,1\%$; số liệu sau rà soát chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên là $42/472 = 9\%$.

Tỉnh Đắk Lắk đã đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn cụ thể, chi tiết đối với chỉ tiêu Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn tại Công văn số 636/BDT-CSĐT ngày 19/8/2022. Tuy nhiên, đến nay Ủy ban Dân tộc chưa có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến/phấn đấu đạt được

Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 3,5%.

2. Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, buôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ưu tiên sử dụng các cấu kiện xây dựng theo mô-đun (module) lắp ghép bảo đảm thi công nhanh, giảm chi phí phục vụ các công trình. Ưu tiên các công

trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Hòa giải các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

(Tổng hợp tại Phụ lục III-03 gửi kèm theo)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Ủy ban Dân tộc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét mở rộng phạm vi thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4 là “các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg” để các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đời sống còn gặp nhiều khó khăn nhưng không thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn được đầu tư cơ sở hạ tầng. Đồng thời, bổ sung tiêu chí “tỷ lệ hộ nghèo của thôn ĐBK” vào nhóm tiêu chí ưu tiên để tính điểm phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4 thuộc Chương trình.

2. Đề nghị Ủy ban Dân tộc tham mưu Thủ tướng Chính phủ khẩn trương ban hành định mức hỗ trợ đầu tư sử dụng ngân sách trung ương đối với một số nội dung như: Định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất; hỗ trợ công trình nước sinh hoạt tập trung...để làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện.

3. Đề nghị các Bộ, ngành nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung về phạm vi thực hiện Tiểu dự án 3 Dự án 5; địa bàn đầu tư, cơ chế thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 9.

4. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành văn bản cho ý kiến đối với các nội dung khó khăn, vướng mắc của địa phương.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2020; giai đoạn

I: từ năm 2021 - 2025 năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành;
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Các phòng: NC, TH, KT;
 - Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, NC (Vn. 05).
- } (để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh